

**TỔNG QUAN****Giải ngân vốn đầu tư công 5 tháng đầu năm 2022 đạt mức thấp.**

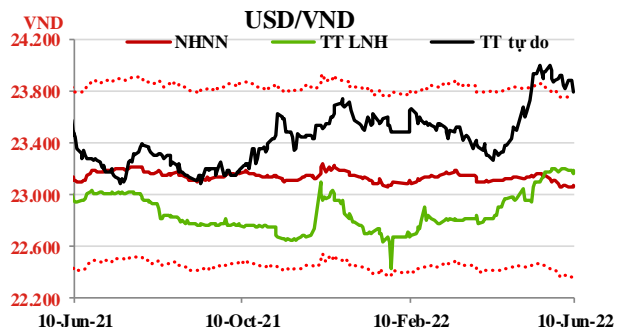
Năm 2022, khối lượng vốn đầu tư công là khoảng trên 700.000 tỷ đồng, tăng khoảng 200.000 tỷ đồng so với các năm trước. Theo số liệu báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đến hết tháng 5/2022, giá trị vốn đầu tư công trong nước triển khai thực hiện mới đạt 113.700 tỷ đồng, chỉ bằng 23% kế hoạch và vốn ngoài nước là 2.178 tỷ đồng, đạt 6% kế hoạch. Cùng thời điểm, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đã có quyết định giao chi tiết cho các dự án đủ thủ tục đầu tư, đủ điều kiện giải ngân trong năm 2022 là 481.200 tỷ đồng, tương ứng đạt 93% so với số vốn Thủ tướng Chính phủ giao.

Tình trạng giải ngân vốn chậm như vậy vẫn thường diễn ra các năm trước đây. Theo số liệu thống kê, đoạn 2017-2022, giải ngân của 5 tháng đầu năm thường đạt từ 22 đến 26% kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ giao. Trong đó, thấp nhất là năm 2021 - đạt 22,12%, cao nhất là năm 2019 - đạt 26,4%. Tuy nhiên, giải ngân cả năm các năm này vẫn thường đạt mức khá trở lên, từ 76,89% đến 96,47%. Trong đó, năm có tỷ lệ giải ngân cao nhất là 2020 đạt 96,47%. Như vậy, nếu xét về xu hướng chung, tỷ lệ giải ngân trên 23% của năm nay cũng là mức bình thường, có thể hi vọng, đến cuối năm, cùng với các giải pháp thúc đẩy từ Chính phủ tới các địa phương, chủ đầu tư, tiến độ giải ngân tăng tốc, tỷ lệ giải ngân sẽ đạt được mức cao.

Có nhiều lý do được đưa ra để giải thích cho việc chậm trễ trong việc giải ngân đầu tư công trong các tháng đầu năm, có thể kể đến: công tác giải phóng mặt bằng luôn gặp khó khăn; giá thành nguyên liệu, vật liệu xây dựng tăng cao; một số dự án mới cần thời gian hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quy định; một số Ban quản lý dự án, chủ đầu tư, nhà thầu yếu kém về năng lực và chuyên môn. Ngoài ra, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng, ý chí, quyết tâm của người đứng đầu ngành, dự án đóng vai trò chủ chốt trong việc thúc đẩy thực hiện dự án. Trong cùng một điều kiện, một thể chế như nhau song nhiều địa phương thực hiện giải ngân cao nhờ có nhiều mô hình hay và cách làm tốt.

Để hỗ trợ giải quyết tình trạng giải ngân vốn đầu tư công còn chậm, cản trở tốc độ hồi phục của nền kinh tế, ngày 02/05, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 548/QĐ-TTg thành lập 6 tổ công tác tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công. Tổ công tác có các nhiệm vụ sau: Tổ chức rà soát, tổng hợp khó khăn, vướng mắc; phân tích nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư công, nhất là dự án sử dụng vốn ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài tại các bộ, cơ quan trung ương và địa phương; Kiến nghị các giải pháp nhằm thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; hướng dẫn thực hiện thống nhất quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định có liên quan nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư công; Đánh giá việc chấp hành quy định về lập, phân bổ, giao kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2022 của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, đánh giá việc triển khai các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại các Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022, các Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ; các văn bản chỉ đạo của lãnh đạo Chính phủ về đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2022. Tổ công tác cũng xem xét trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, rà soát, xử lý các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn trong giải ngân đầu tư công tại từng bộ, cơ quan, địa phương, trong đó có trách nhiệm người đứng đầu. Tổ công tác phải báo cáo kết quả kiểm tra và đề xuất, kiến nghị cụ thể các giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, gửi Thủ tướng Chính phủ trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra đối với bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

• **Thị trường ngoại tệ**



Trong tuần từ 06/06 - 10/06, tỷ giá trung tâm tiếp tục được NHNN điều chỉnh tăng – giảm nhẹ. Phiên cuối tuần 10/06, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 23.065 VND/USD, giảm nhẹ 04 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được NHNN giữ nguyên niêm yết ở mức 22.550 đồng. Tỷ giá bán kỳ hạn 3 tháng được duy trì niêm yết ở mức 23.250 VND/USD.

Tỷ giá LNH cũng ít biến động trong tuần qua. Chốt tuần 10/06, tỷ giá LNH đóng cửa tại 23.181 VND/USD, giảm nhẹ 08 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

Tỷ giá trên thị trường tự do chỉ tăng – giảm nhẹ qua các phiên trong tuần qua. Chốt phiên cuối tuần 10/06, tỷ giá tự do tăng 10 đồng ở chiều mua vào trong khi giảm 20 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.770 VND/USD và 23.800 VND/USD.

• **Thị trường tiền tệ liên ngân hàng**

| Kỳ hạn | Lãi suất LNH |       |      |       | Trái phiếu |              |
|--------|--------------|-------|------|-------|------------|--------------|
|        | VND          | W/W   | USD  | W/W   | Kỳ hạn     | Lợi suất W/W |
| ON     | 0.44         | -0.06 | 0.90 | -0.01 | 3Y         | 2.04 -0.048  |
| 1W     | 1.12         | -0.12 | 1.04 | 0.04  | 5Y         | 2.38 -0.001  |
| 2W     | 1.52         | -0.19 | 1.16 | 0.06  | 7Y         | 2.93 0.036   |
| 1M     | 2.02         | -0.13 | 1.25 | 0.03  | 10Y        | 3.15 0.007   |
| 2M     | 2.30         | -0.06 | 1.34 | 0.04  | 15Y        | 3.33 0.011   |
| 3M     | 2.43         | -0.05 | 1.47 | 0.06  |            |              |
| 6M     | 2.69         | -0.02 | 1.66 | 0.03  |            |              |
| 9M     | 2.76         | -0.02 | 1.78 | 0.02  |            |              |
| 1Y     | 2.89         | 0.00  | 1.86 | 0.02  |            |              |

Nguồn: Reuters

Tuần từ 06/06 - 10/06, lãi suất VND LNH biến động theo xu hướng giảm dần qua các phiên. Chốt ngày 10/06, lãi suất VND LNH giao dịch quanh mức: ON 0,44% (-0,06 đpt so với phiên cuối tuần trước đó); 1W 1,12% (-0,12 đpt); 2W 1,52 (-0,19 đpt); 1M 2,02% (-0,13 đpt).

Lãi suất USD LNH tuần qua vẫn biến động nhẹ qua các phiên. Chốt tuần 10/06, lãi suất USD LNH đóng cửa ở mức: ON 0,90% (-0,01 đpt); 1W 1,04% (+0,04 đpt); 2W 1,16% (+0,06 đpt) và 1M 1,25% (+0,03 đpt).

• **Thị trường mở**

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ.đ)

| Ngày             | Phiên | Kỳ hạn (ngày) | Lãi suất (%) | KL gọi thầu   | KL trúng        | KL đến hạn      | Bơm/hút ròng | KL lưu hành   |
|------------------|-------|---------------|--------------|---------------|-----------------|-----------------|--------------|---------------|
| 10-06-22         | 1     | 14            | 2.50         | 10,000        | -               | -               | -            | 1,576.39      |
| 09-06-22         | 1     | 14            | 2.50         | 10,000        | 195.80          | 414.13          | -            | 218.33        |
| 08-06-22         | 1     | 14            | 2.50         | 10,000        | 366.92          | 357.58          | 9.34         | 1,794.72      |
| 07-06-22         | 1     | 14            | 2.50         | 10,000        | 170.21          | 353.98          | -            | 183.77        |
| 06-06-22         | 1     | 14            | 2.50         | 10,000        | 287.41          | 245.98          | 41.43        | 1,969.15      |
| <b>Tổng cộng</b> |       |               |              | <b>50,000</b> | <b>1,020.34</b> | <b>1,371.67</b> | <b>-</b>     | <b>351.33</b> |

Trên thị trường mở tuần từ 06/06 - 10/06, NHNN chào thầu 10.000 tỷ đồng/phiên trên kênh cầm cố ở cả 5 phiên, đều với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất 2,50%. Có 1.020,34 tỷ đồng trúng thầu trong tuần qua. Trong tuần có 1.371,67 tỷ đồng đáo hạn. Như vậy, NHNN hút ròng 351,33 tỷ VND từ thị trường, đưa khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố giảm xuống mức 1.576,39 tỷ VND.

NHNN tiếp tục không chào thầu tín phiếu NHNN.

• **Thị trường trái phiếu**

**Giao dịch trên thị trường sơ cấp.**

Ngày 06/06, NHCSXH gọi thầu 3.000 tỷ đồng TPCPBL ở các kỳ hạn từ 3 năm đến 15 năm. Cụ thể, kỳ hạn 3 năm gọi thầu 1.500 tỷ đồng, các kỳ hạn từ 5 đến 15 năm gọi thầu 500 tỷ đồng/mỗi kỳ hạn. Tuy nhiên, phiên đấu thầu thất bại. Kể từ đầu năm đến nay, cơ quan này đã huy động thành công 2.700 tỷ đồng TPCP.

Ngày 08/06, KBNN huy động thành công 3.040/4.500 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 68%). Trong đó, kỳ hạn 10 năm huy động được 1.500/2.000 tỷ đồng, kỳ hạn 15 năm huy động 1.540/2.000 tỷ đồng, kỳ hạn 30 năm đấu thầu thất bại. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 10 năm tại 2,4%/năm (+0,03%); kỳ hạn 15 năm tại 2,7%/năm (+0,03%).

Trong tuần vừa qua từ 06 - 10/06 có 5.750 tỷ đồng TPCP đáo hạn. Trong tuần này từ 13 - 17/06 có 200 tỷ đồng TPCP đáo hạn. Về kế hoạch đấu thầu trong tuần này: ngày 13/06, NHCSXH dự kiến gọi thầu 3.00 tỷ đồng TPCPBL các kỳ hạn từ 3 năm đến 15 năm; tiếp đó ngày 15/06, KBNN dự kiến gọi thầu 4.500 tỷ đồng TPCP các kỳ hạn từ 10 năm đến 30 năm.

### Thị trường TPCP sơ cấp

Đơn vị: tỷ đồng

| TCPH        | Ngày ĐT  | Kỳ hạn | KL gọi thầu | KL trúng thầu | LS trúng thầu | Thay đổi | Tỷ lệ trúng thầu | Tỷ lệ đặt thầu | Số TV tham gia |
|-------------|----------|--------|-------------|---------------|---------------|----------|------------------|----------------|----------------|
| VBSP        | 6-Jun-22 | 3      | 1500        | 0             | 0.00%         | 0.00%    | 0%               | 0.00           | 0              |
| VBSP        | 6-Jun-22 | 5      | 500         | 0             | 0.00%         | 0.00%    | 0%               | 0.20           | 1              |
| VBSP        | 6-Jun-22 | 10     | 500         | 0             | 0.00%         | 0.00%    | 0%               | 0.20           | 1              |
| VBSP        | 6-Jun-22 | 15     | 500         | 0             | 0.00%         | 0.00%    | 0%               | 0.00           | 0              |
| MOF         | 8-Jun-22 | 10     | 2000        | 1500          | 2.40%         | 0.03%    | 75%              | 1.80           | 15             |
| MOF         | 8-Jun-22 | 15     | 2000        | 1540          | 2.70%         | 0.03%    | 77%              | 1.47           | 9              |
| MOF         | 8-Jun-22 | 30     | 500         | 0             | 0.00%         | 0.00%    | 0%               | 0.00           | 0              |
| <b>Tổng</b> |          |        | <b>7500</b> | <b>3040</b>   |               |          | <b>41%</b>       | <b>0.90</b>    |                |

**Giao dịch trên thị trường thứ cấp:** Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua đạt trung bình 8.398 tỷ đồng/phiên, tăng mạnh từ mức 5.528 tỷ đồng/phiên của tuần trước đó.

| Thống kê giao dịch Outright |              |              |               |               |               | Thống kê giao dịch Repos |              |              |              |              |                |
|-----------------------------|--------------|--------------|---------------|---------------|---------------|--------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|----------------|
| Ngày                        | < 2 năm      | 2 - 5 năm    | 5 - 10 năm    | > 10 năm      | Tổng          | Ngày                     | < 31 ngày    | 31 - 60 ngày | 60 - 92 ngày | > 92 ngày    | Tổng           |
| 6/Jun/22                    | 106          | 415          | 3,099         | 3,093         | <b>6,712</b>  | 6/Jun/22                 | 1,081        | 203          | -            | -            | <b>1,284</b>   |
| 7/Jun/22                    | 315          | 159          | 5,058         | 2,612         | <b>8,145</b>  | 7/Jun/22                 | 3,399        | 632          | 705          | -            | <b>4,735</b>   |
| 8/Jun/22                    | 208          | 158          | 4,604         | 2,171         | <b>7,141</b>  | 8/Jun/22                 | 811          | -            | 203          | -            | <b>1,013</b>   |
| 9/Jun/22                    | 56           | -            | 3,076         | 1,638         | <b>4,770</b>  | 9/Jun/22                 | 1,762        | 1,449        | -            | -            | <b>3,212</b>   |
| 10/Jun/22                   | -            | -            | 2,870         | 1,405         | <b>4,275</b>  | 10/Jun/22                | 702          | -            | -            | -            | <b>702</b>     |
| <b>Tổng</b>                 | <b>685</b>   | <b>732</b>   | <b>18,707</b> | <b>10,918</b> | <b>31,043</b> | <b>Tổng</b>              | <b>7,755</b> | <b>2,284</b> | <b>907</b>   | <b>-</b>     | <b>10,946</b>  |
| <b>+_ WoW</b>               | <b>(231)</b> | <b>(545)</b> | <b>11,216</b> | <b>5,010</b>  | <b>15,450</b> | <b>+_ WoW</b>            | <b>1,070</b> | <b>(205)</b> | <b>(709)</b> | <b>-</b>     | <b>(1,101)</b> |
| <b>% WoW</b>                | <b>-25%</b>  | <b>-43%</b>  | <b>150%</b>   | <b>85%</b>    | <b>99%</b>    | <b>% WoW</b>             | <b>16%</b>   | <b>-8%</b>   | <b>-44%</b>  | <b>-100%</b> | <b>-9%</b>     |
| Tỷ trọng                    | 2%           | 2%           | 60%           | 35%           | 100%          | Tỷ trọng                 | 71%          | 21%          | 8%           | 0%           | 100%           |

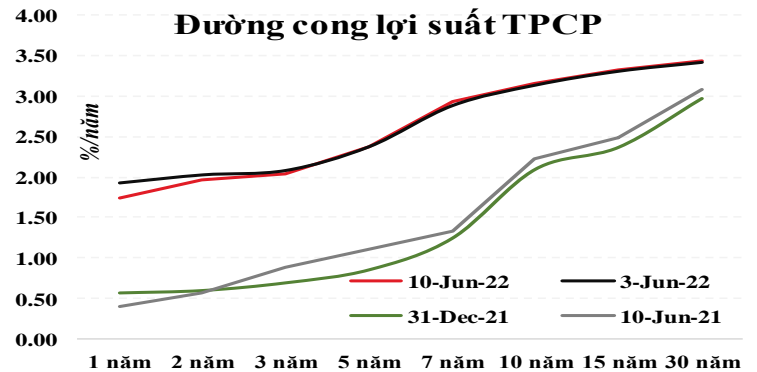
Đvt: Tỷ đồng

Đvt: Tỷ đồng

Lợi suất TPCP các kỳ hạn biến động trái chiều. Chốt phiên 10/06, lợi suất TPCP giao dịch quanh 1 năm 1,75% (-0,19 đpt); 2 năm 1,97% (-0,06 đpt); 3 năm 2,04% (-0,05 đpt); 5 năm 2,38% (-0,001 đpt); 7 năm 2,93% (+0,04 đpt); 10 năm 3,15% (+0,01 đpt); 15 năm 3,33% (+0,01 đpt); 30 năm 3,44% (+0,02 đpt).

### Diễn biến lợi suất trên thị trường thứ cấp

| %/năm     | 1 năm | 2 năm | 3 năm | 5 năm  | 7 năm | 10 năm | 15 năm | 30 năm |
|-----------|-------|-------|-------|--------|-------|--------|--------|--------|
| 10-Jun-22 | 1.75  | 1.97  | 2.04  | 2.38   | 2.93  | 3.15   | 3.33   | 3.44   |
| So MoM    | -0.19 | -0.06 | -0.05 | -0.001 | 0.04  | 0.01   | 0.01   | 0.015  |
| So YoY    | 1.34  | 1.41  | 1.16  | 1.28   | 1.59  | 0.93   | 0.85   | 0.36   |
| So YTD    | 1.17  | 1.37  | 1.34  | 1.52   | 1.68  | 1.05   | 0.96   | 0.47   |

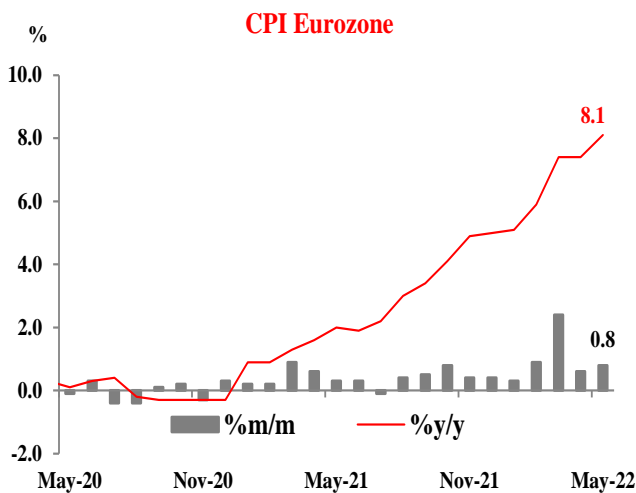
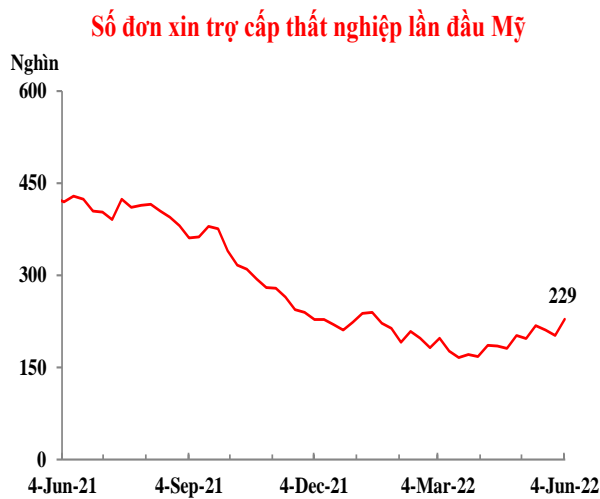
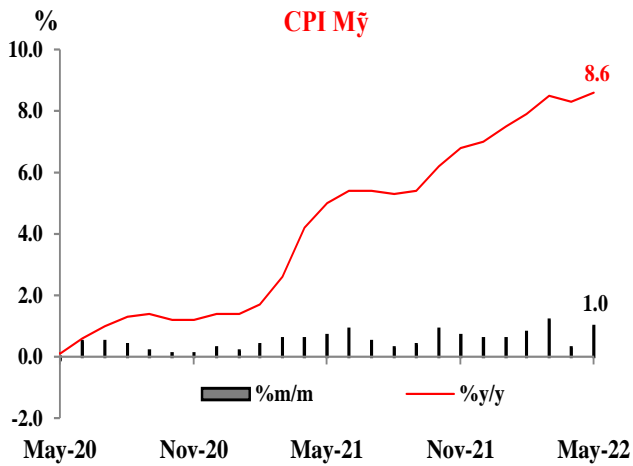


### Thị trường chứng khoán

|                            | 10/06/22 | VN-Index | HNX-Index | Upcom   |
|----------------------------|----------|----------|-----------|---------|
| Điểm                       |          | 1284.08  | 306.44    | 93.72   |
| thay đổi so với tuần trước |          | -0.30%   | -1.30%    | -0.48%  |
| thay đổi so với đầu năm    |          | -14.30%  | -35.35%   | -16.83% |
| KLGD/phiên (tr.đ.v)        |          | 582.85   | 78.61     | 0.06    |
| thay đổi so với tuần trước |          | -17.05%  | 16.21%    | -99.94% |
| GTGD/phiên (tỷ đ)          |          | 16234.25 | 1862.02   | 0.0014  |
| thay đổi so với tuần trước |          | -21.43%  | 4.09%     | -3.71%  |
| ĐTNN mua/bán ròng (tỷ đ)   |          | (575.91) | 18.79     | 0.12    |

Tuần từ 06/06 - 10/06, thị trường chứng khoán chỉ hồi phục nhẹ được 3 phiên đầu, phiên cuối tuần lại điều chỉnh giảm mạnh. Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần 10/06, VN-Index đứng ở mức 1.284,08 điểm, tương ứng giảm 3,90 điểm (-0,30%) so với cuối tuần trước đó; HNX-Index giảm 4,04 điểm (-1,30%) còn 306,44 điểm; UPCOM-Index mất 0,45 điểm (-0,48%) xuống 93,72 điểm.

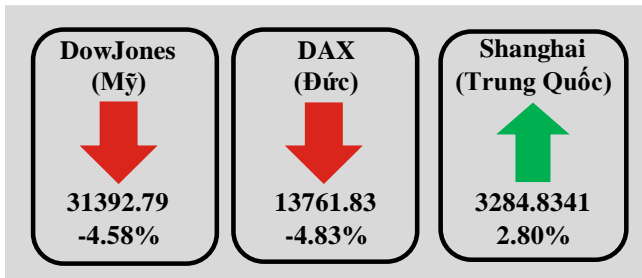
Thanh khoản thị trường vẫn ở mức thấp với giá trị giao dịch trung bình gần 18.100 tỷ đồng/phiên. Khối ngoại bán ròng gần 558 tỷ đồng trên cả 3 sàn trong tuần qua.



**World Bank hạ triển vọng kinh tế thế giới, bên cạnh đó một số NHTW lớn có các cuộc họp CSTT quan trọng.** Tuần qua, trong báo cáo của WB, cơ quan này dự báo kinh tế thế giới năm 2022 chỉ tăng trưởng 2,9% (giảm 1,2 đpt so với dự báo đưa ra hồi tháng 1). Trong các nền kinh tế lớn, Mỹ được dự báo tăng 2,9% (-1,2 đpt); Nhật Bản tăng 2,5% (-1,2 đpt), Khu vực Châu Âu tăng 2,5% (-1,7 đpt) – là khu vực bị ảnh hưởng mạnh nhất từ cuộc chiến tranh Nga – Ukraine (trừ hai quốc gia này). Tại thị trường mới nổi và các quốc gia đang phát triển, Trung Quốc được dự báo tăng 4,3% (-0,8 đpt); Indonesia 5,1% (-0,1 đpt) và Thái Lan tăng 2,9% (-1,0 đpt). Thậm chí, WB cho rằng tác động của lạm phát có thể kéo dài tới năm 2023, theo đó tiếp tục hạ nhẹ triển vọng GDP năm sau đối với các khu vực kể trên, ở mức 0,1 - 0,2 đpt. Cũng trong tuần qua, ngày 07/06, NHTW Úc RBA dự báo lạm phát trong ngắn hạn có thể tiếp tục tăng, nhưng sẽ giảm xuống trong khoảng 2% - 3% vào năm sau. RBA quyết định nâng LSCS thêm 50 điểm cơ bản, từ 0,35% lên 0,85%, cao hơn dự báo tăng lên mức 0,60% của thị trường. RBA khẳng định các sự hỗ trợ đặc biệt không còn cần thiết khi kinh tế Úc đã vững mạnh, RBA sẽ từng bước bình thường hóa CSTT trong những tháng tới. Tiếp theo, ngày 09/06, NHTW Châu Âu ECB dự báo lạm phát của khu vực Eurozone năm 2022 là 6,8%; sau đó hạ nhiệt còn 3,5% trong năm 2023, và tiếp tục xuống 2,1% năm 2024. Theo đó, ECB quyết định tạm thời duy trì các mức LSCS ở mức hiện tại: LS cho vay tái cấp vốn 0%; LS cho vay cận biên 0,25% và LS tiền gửi -0,5%. ECB cho biết cơ quan này có ý định nâng LS tiền gửi 25 điểm cơ bản vào tháng 7, và giữ nguyên hai loại LSCS còn lại. Tại cuộc họp tháng 9, ECB kỳ vọng nâng LSCS một lần nữa, và quy mô tăng sẽ phụ thuộc vào triển vọng lạm phát trung hạn của khu vực.

**Nước Mỹ ghi nhận một số thông tin kinh tế đáng chú ý, đặc biệt là dấu hiệu cho thấy áp lực lạm phát tiếp tục gia tăng.** Đầu tiên, cán cân thương mại Mỹ thâm hụt 87,1 tỷ USD trong tháng 4 sau khi thâm hụt 107,7 tỷ ở tháng trước đó, đồng thời nhỏ hơn mức thâm hụt 89,6 tỷ theo dự báo. Tiếp theo, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ tuần kết thúc ngày 04/06 ở mức 229 nghìn đơn, tăng khá mạnh từ mức 200 nghìn đơn của tuần trước đó, vượt nhiều so với mức 205 nghìn đơn theo dự báo. Cuối cùng, về lạm phát, chỉ số tiêu dùng CPI toàn phần và CPI lõi của nước Mỹ lần lượt tăng 1,0% và 0,6% m/m trong tháng 5, nối tiếp đà tăng 0,3% và 0,6% của tháng trước đó, đồng thời vượt qua mức tăng 0,7% và 0,5% theo dự báo. Như vậy, so với cùng kỳ năm 2021, CPI toàn phần và CPI lõi của nước này lần lượt tăng 8,6% và 6,0%. Dữ liệu lạm phát tiếp tục tăng sau 2 đợt tăng LSCS có thể sẽ ảnh hưởng tới quyết định của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Fed trong cuộc họp diễn ra ngày 15-16/06. Tuy nhiên, ở thời điểm hiện tại, dự báo của CME vẫn cho thấy 97% khả năng Fed sẽ tăng LSCS 50 điểm trong cuộc họp lần này, và chỉ 3% khả năng lằng LSCS 75 điểm, không có sự thay đổi nhiều so với thời điểm trước khi dữ liệu lạm phát được công bố.

## Chỉ số chứng khoán tuần



## Thị trường ngoại hối, vàng, dầu quốc tế

|                   | 10 Jun 22 | Tuần (%) | Đầu năm (%) | Biến động 2021 (%) |
|-------------------|-----------|----------|-------------|--------------------|
| USD index         | 104.15    | 1.97%    | 8.52%       | 6.71%              |
| USD/CNY           | 6.71      | 0.73%    | 5.60%       | -2.65%             |
| USD/EUR           | 0.95      | 1.93%    | 8.11%       | 7.43%              |
| USD/JPY           | 134.42    | 2.72%    | 16.81%      | 11.47%             |
| USD/KRW           | 1279.32   | 2.30%    | 7.69%       | 9.54%              |
| USD/SGD           | 1.39      | 0.87%    | 2.86%       | 2.13%              |
| USD/TWD           | 29.66     | 1.01%    | 7.02%       | -1.29%             |
| USD/THB           | 34.72     | 1.22%    | 4.48%       | 10.62%             |
| USD/VND Trung tâm | 23065     | -0.02%   | -0.35%      | 0.06%              |
| USD/VND LNH       | 23181     | -0.03%   | 1.69%       | -1.32%             |
| USD/VND tự do     | 23770     | 0.04%    | 1.36%       | 0.64%              |
| Vàng              | 1870.96   | 1.09%    | 2.33%       | -3.59%             |
| Dầu               | 120.67    | 1.51%    | 60.44%      | 55.01%             |

### LIBOR

### SIBOR

| Kỳ hạn | USD    | TĐ     | USD    | TĐ     |
|--------|--------|--------|--------|--------|
| ON     | 0.8193 | 0.8193 |        |        |
| 1M     | 1.2821 | 1.2821 | 1.1157 | 0.0021 |
| 3M     | 1.7447 | 1.7447 | 1.3379 | 0.0000 |
| 6M     | 2.3116 | 2.3116 | 0.8211 | 0.0000 |
| 1Y     | 3.0054 | 3.0054 |        |        |

Thị trường chứng khoán thế giới tuần trước phân hóa khá rõ rệt. Kết thúc phiên thứ Sáu, chỉ số Dow Jones giảm mạnh 4,58% w/w, chỉ số DAX chỉ giảm mạnh 4,83% trong khi chỉ số Shanghai tăng 2,80%. Chứng khoán Châu Âu và Châu Mỹ chứng kiến tuần sụt giảm mạnh nhất trong 2 tháng khi thị trường nghi ngờ triển vọng tăng trưởng kinh tế sẽ yếu đi trước những áp lực của lạm phát. Bên cạnh đó, nhiều NHTW lớn ráo riết thắt chặt CSTT cũng ảnh hưởng rất nhiều lên tâm lý các nhà đầu tư.

Vàng tăng, đóng cửa phiên ngày thứ Sáu ở mức 1.870,96 USD/oz, tương đương tăng 1,09% w/w. Giá kim loại quý này được chú ý nhiều trong bối cảnh lạm phát của các nền kinh tế ngày càng cao. Tuy nhiên đà tăng giá của vàng bị hạn chế, khi thị trường lớn là Mỹ lo ngại chi phí nắm giữ vàng sẽ tăng lên theo giá đồng USD.

Giá dầu tiếp tục tăng trong tuần qua. Kết thúc phiên thứ Sáu, dầu WTI ở mức 120,67 USD/thùng, tương tăng 1,51% w/w. Thị trường nghi ngờ OPEC+ sẽ khó khăn trong việc gia tăng sản lượng như đã hứa. Bên cạnh đó, việc nhu cầu dầu mỏ tại Mỹ tăng đột ngột khiến cho dự trữ sụt mạnh cũng góp phần giữ cho giá dầu duy trì ở mức cao.

## NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

### TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

#### Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: tranghtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ email: [Research@msb.com.vn](mailto:Research@msb.com.vn)